

CÔNG TY CỔ PHẦN WINGROUP VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN WINGROUP VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: WINGROUP VIET NAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: WINGROUP VINA., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0106927108

3. Ngày thành lập: 06/08/2015

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn thượng Trì, Xã Liên Hồng, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
2.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh Chi tiết: Sản xuất mỹ phẩm	2023
3.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2212
4.	Khai thác gỗ	0221
5.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
6.	Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác	0230
7.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
8.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
9.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
10.	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
11.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
12.	Sản xuất giày dép	1520
13.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
14.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
15.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
16.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
17.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
18.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
19.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221

20.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
21.	Bốc xếp hàng hóa	5224
22.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
23.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Khách sạn - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
24.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
25.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
26.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn kính xây dựng Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim	4663
27.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu - Bán buôn hoá chất công nghiệp như: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...; - Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn sợi dệt...; - Bán buôn bột giấy; - Bán buôn đá quý; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại/phi kim loại, nguyên liệu để tái sinh	4669
28.	Bán buôn tổng hợp	4690
29.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
30.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
31.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
32.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
33.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
34.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
35.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
36.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
37.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751

38.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
39.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
40.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
41.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
42.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
43.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
44.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
45.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
46.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
47.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
48.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
49.	Lập trình máy vi tính	6201
50.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
51.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
52.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
53.	Cổng thông tin	6312
54.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100(Chính)
55.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
56.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
57.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
58.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
59.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
60.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
61.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
62.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
63.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
64.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

65.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
66.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
67.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
68.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
69.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
70.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
71.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
72.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
73.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
74.	Bán mô tô, xe máy	4541
75.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
76.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
77.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài)	4610
78.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
79.	Bán buôn thực phẩm	4632
80.	Bán buôn đồ uống	4633
81.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
82.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm)	4649
83.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
84.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
85.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
86.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
87.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
88.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
89.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
90.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
91.	Dịch vụ đóng gói	8292
92.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (khi được nhà nước cho phép)	8299
93.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
94.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
95.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522

96.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
97.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
98.	Sửa chữa đồ dùng cá nhân và gia đình khác	9529
99.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
100.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
101.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm vật chất tự tiêu dùng của hộ gia đình	9810
102.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	9820
103.	Quảng cáo	7310
104.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
105.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác (chỉ được hoạt động khi có đủ điều kiện pháp luật cho phép) - Hoạt động trang trí nội thất	7410
106.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
107.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động phiên dịch - Tư vấn về môi trường	7490
108.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: - Cho thuê ô tô - Cho thuê xe có động cơ khác	7710
109.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
110.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
111.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
112.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính)	7730

6. Vốn điều lệ: 1.900.000.000 VNĐ
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 190.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN CUNG HIẾN	Thôn Thượng Trì, Xã Liên Hồng, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	129.200	1.292.000.000	68	017044858	
			Tổng số	129.200	1.292.000.000	68		
2	NGUYỄN VĂN DĨNH	Thôn Đông Lai, Xã Liên Hồng, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	19.000	190.000.000	10	017074950	
			Tổng số	19.000	190.000.000	10		
3	NGUYỄN VĂN ĐỨC	phòng 301, tòa CT10, KĐT Việt Hưng, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	41.800	418.000.000	22	013640959	
			Tổng số	41.800	418.000.000	22		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: NGUYỄN CUNG HIẾN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Ngày sinh: *07/07/1991*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *017044858*

Ngày cấp: *15/01/2013*

Nơi cấp: *Công an hà nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Thôn Thượng Trì, Xã Liên Hồng, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Thôn Thượng Trì, Xã Liên Hồng, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội